

Ngày	74,200 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.8%	10.7%	-2.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	57,800 - 89,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	106,169
Số lượng CPLH (CP)	1,430,843,406
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,400,540
Sở hữu nước ngoài	28.2%
Beta	1.35
EPS	215
P/E	344.6

DT thuần

Q1/24

18,855

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1,927| -9.3%

YoY: ▲ 149| 0.8%

LN trước thuế

Q1/24

634

tỷ VNĐ

QoQ: ▼314| -33.2%

YoY: ▲ 53.0| 9.1%

LN sau thuế

Q1/24

479

tỷ VNĐ

QoQ: ▼38.0| -7.4%

YoY: ▲ 40.0| 9.1%

ROA

2023

0.3%

+/- YoY: ▼ 2.4%

DT thuần

2023

78,252

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2,063| 2.7%

LN trước thuế

2023

2,563

tỷ VNĐ

YoY: ▼2,584| -50.2%

LN sau thuế

2023

1,870

tỷ VNĐ

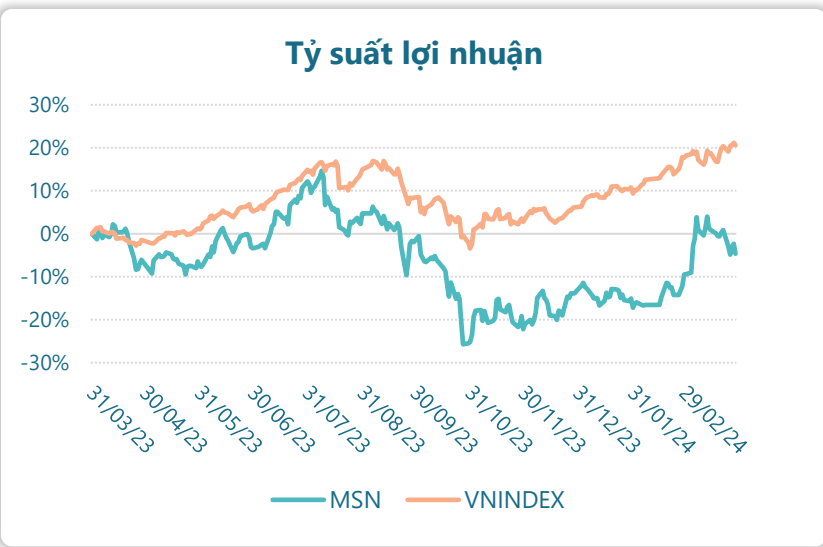
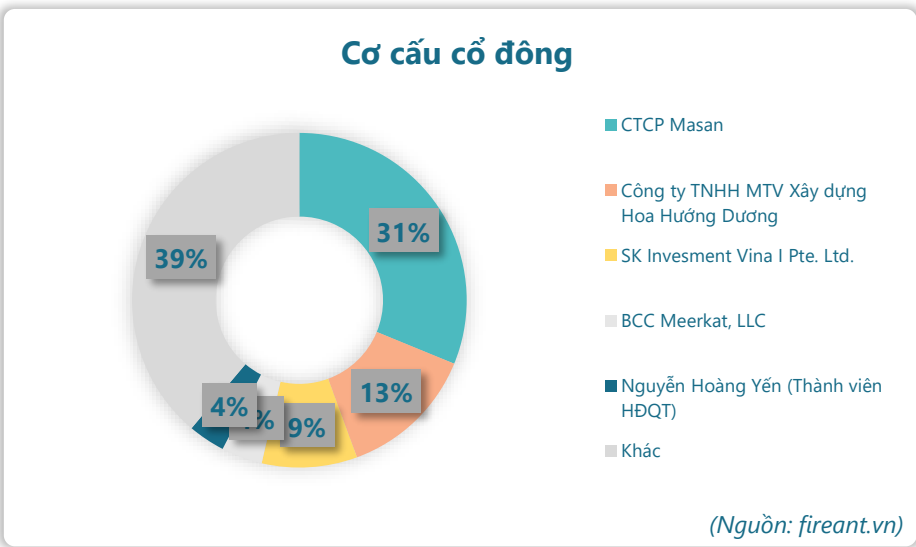
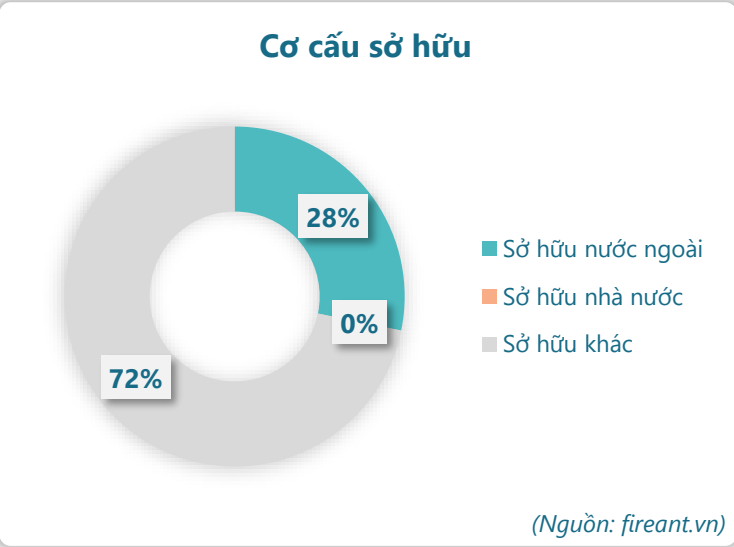
YoY: ▼2,884| -60.7%

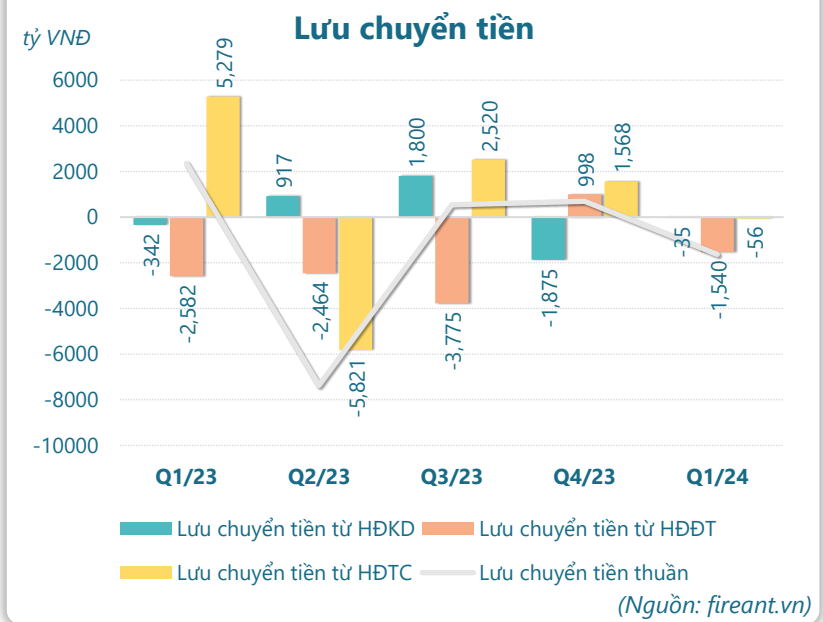
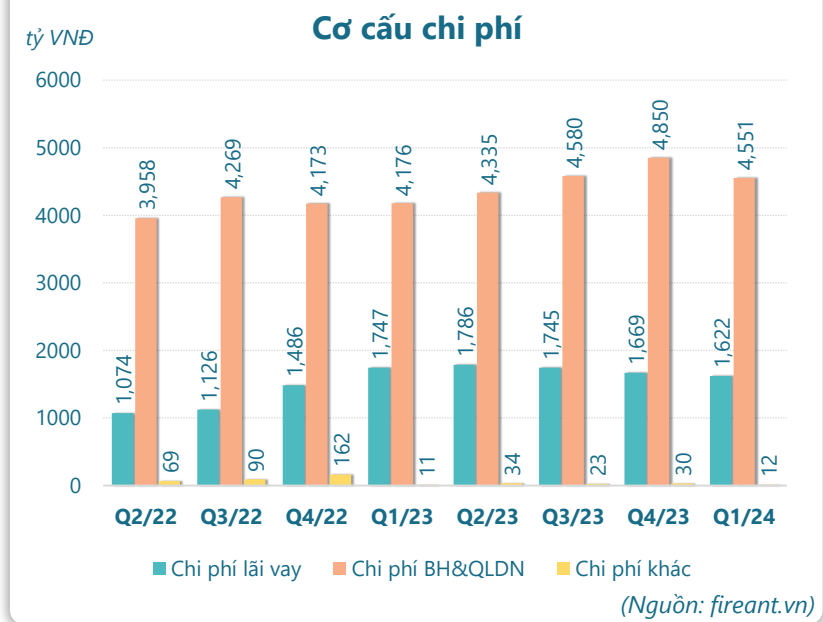
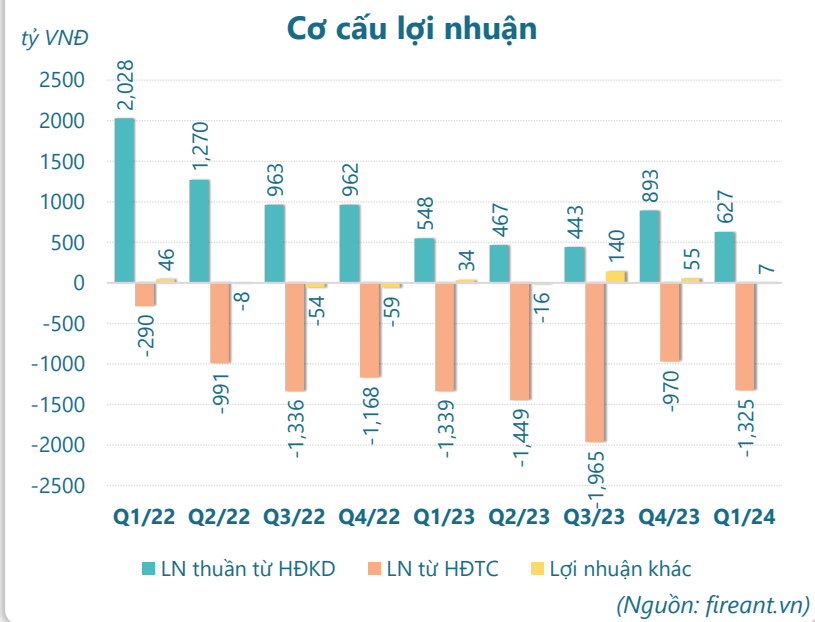
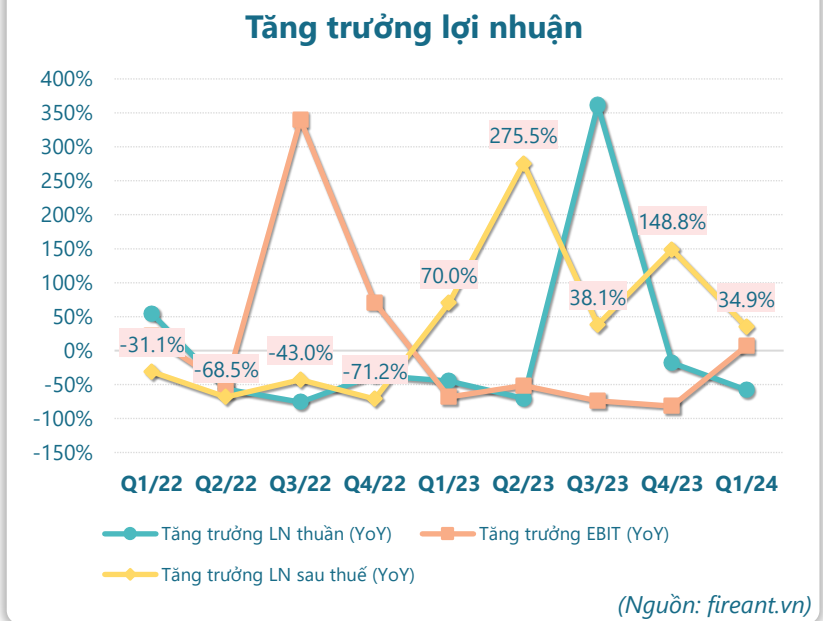
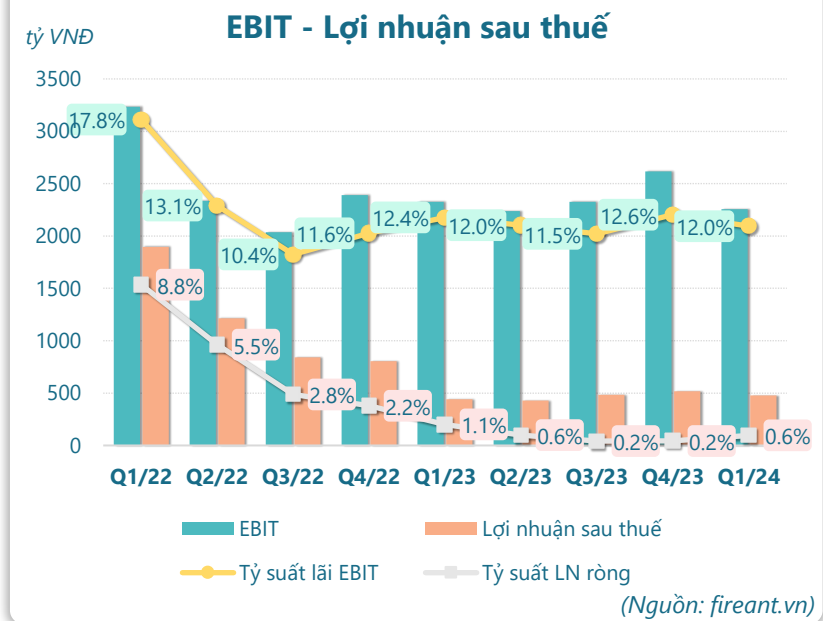
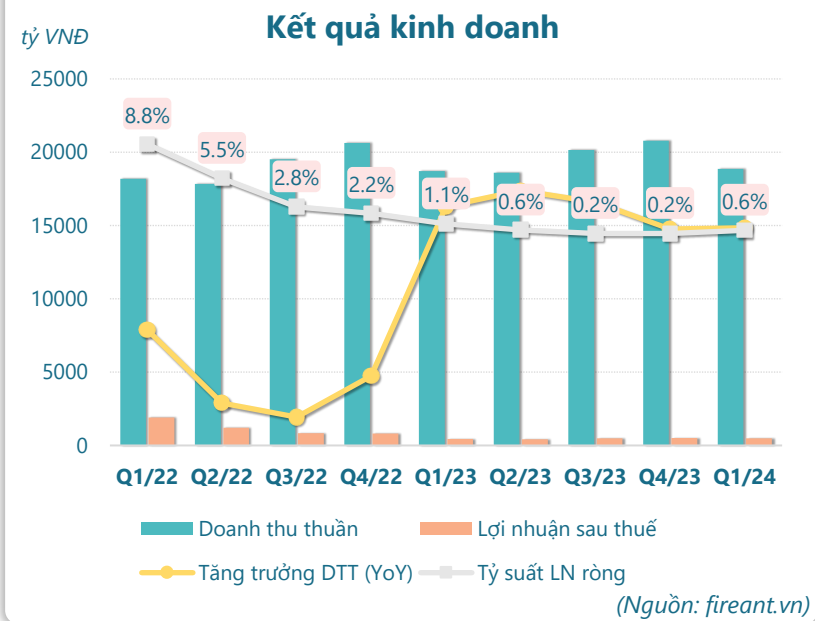
ROE

2023

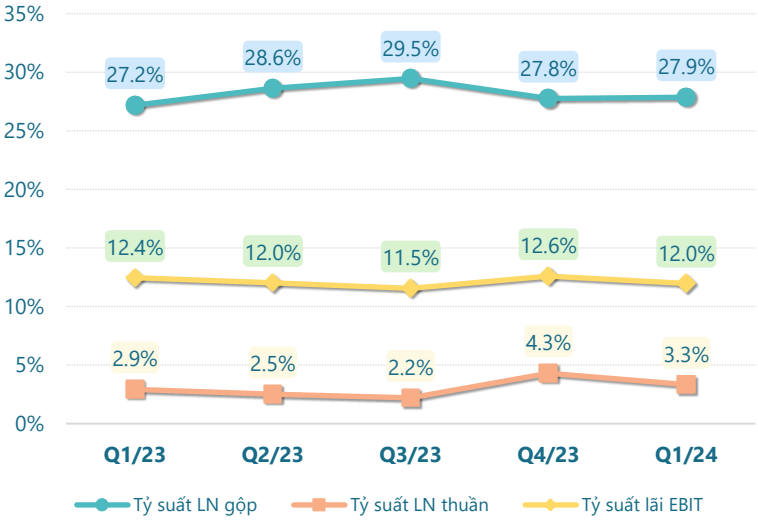
1.1%

+/- YoY: ▼ 7.9%



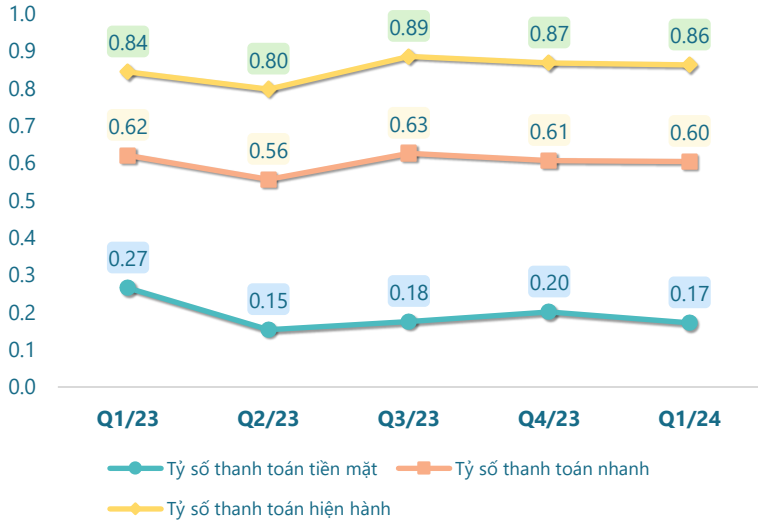


Tỷ suất lợi nhuận



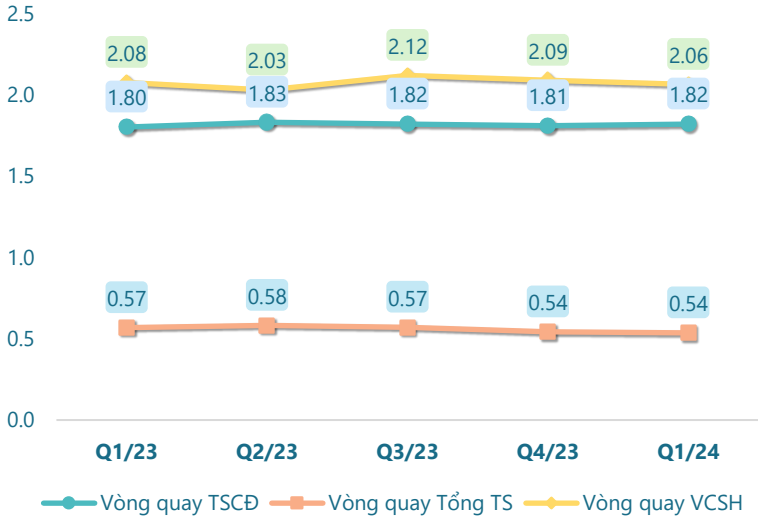
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



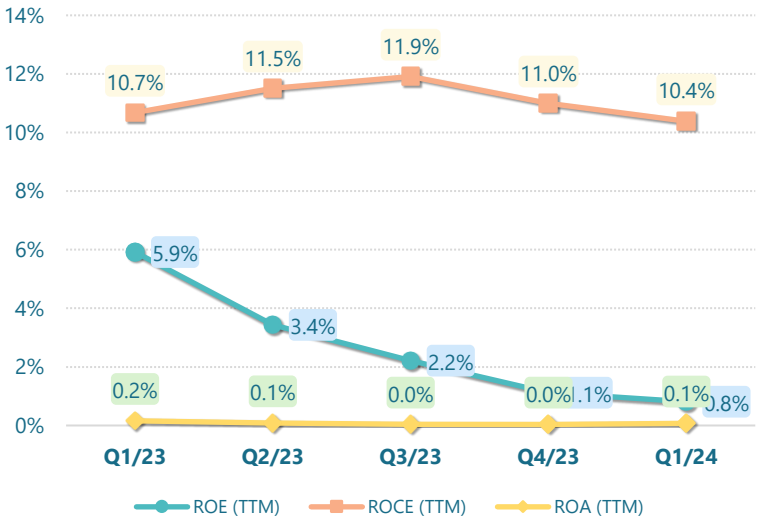
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



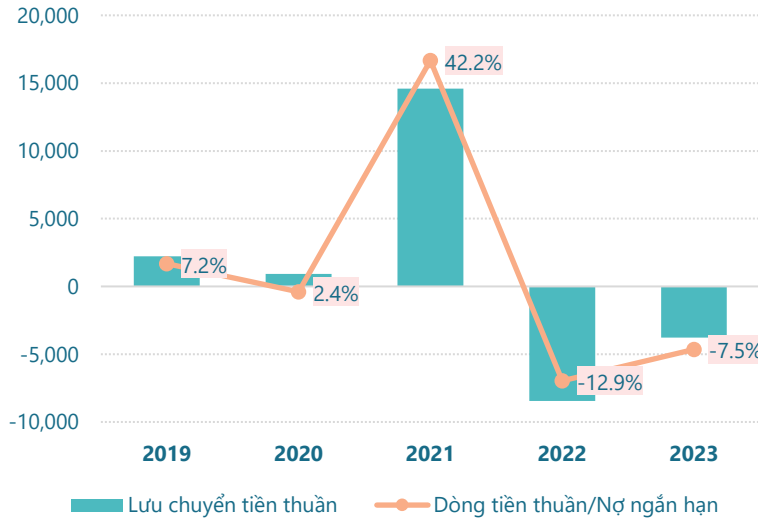
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



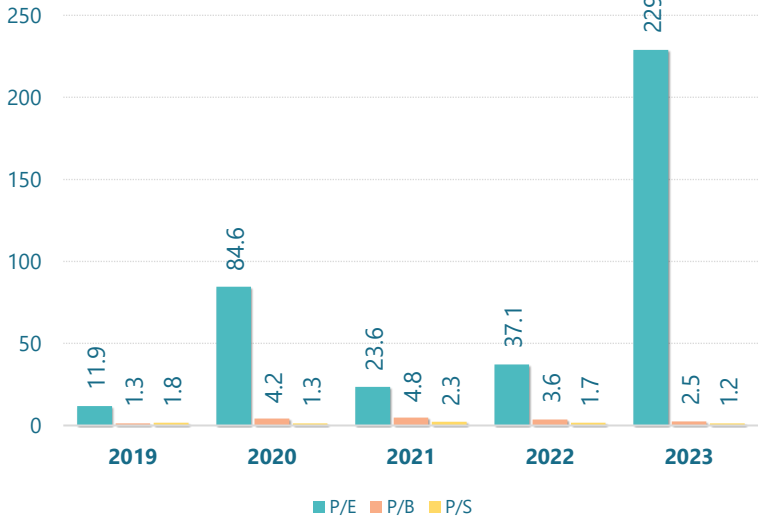
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)